BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026



TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA VIỆC KÊ KHAI THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA DOANH NGHIỆP

HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ ĐẶT CỌC THEO NGHỊ QUYẾT 03/2026/NQ-HĐTP





HƯỚNG DẪN CỤ THỂ THỜI ĐIỂM KẾT THÚC GIẢM TRỪ GIA CẢNH ĐỐI VỚI CON TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES

LIÊN HỆ CHÚNG TÔI

: http://lacduy-associates.com

: lacduy@lacduy-associates.com

: +84917275572/+842836221603

: Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 10 năm 2026 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về đặt cọc theo Nghị Quyết 03/2026/NQ-HĐTP
- Tăng cường kiểm tra việc kê khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp
- Hướng dẫn cụ thể thời điểm kết thúc giảm trừ gia cảnh đối với con tốt nghiệp đại học
- Văn bản Pháp luật tháng 10/2026



🌐: http://lacduy-associates.com
✉: lacduy@lacduy-associates.com
☎: +84917275572/+842836221603

BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026

HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ ĐẶT CỌC THEO NGHỊ QUYẾT 03/2026/NQ-HĐTP



Ngày 18/08/2026, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết 03/2026/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về đặt cọc ("**NQ 03**"). NQ 03 gồm 09 (chín) điều khoản và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026 với các nội dung đáng chú ý như sau:

1. Quy định về hình thức, hiệu lực của thỏa thuận đặt cọc và quy định về tài sản đặt cọc

Theo Điều 2 NQ 03, thỏa thuận đặt cọc có thể được thể hiện bằng các hình thức bao gồm: (i) Bằng lời nói; (ii) Bằng văn bản; (iii) Bằng hành vi cụ thể; và (iv) Hợp đồng riêng hoặc điều khoản ghi trong hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm.

Lưu ý đối với hình thức bằng văn bản:
- Thỏa thuận đặt cọc qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử thì được coi là giao dịch bằng văn bản.
- Trường hợp pháp luật quy định thỏa thuận bằng văn bản phải được công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải thực hiện theo quy định đó.

Bên cạnh hình thức, thỏa thuận đặt cọc để có hiệu lực thì cần đáp ứng các điều kiện bao gồm:
(i) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
(ii) Chủ thể hoàn toàn tự nguyện;
(iii) Mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.[1]

Theo đó, thỏa thuận đặt cọc **vẫn có hiệu lực** miễn là chính thỏa thuận đặt cọc đó **đáp ứng các điều kiện nêu trên** trong các trường hợp sau:
(i) Thỏa thuận đặt cọc có nội dung không rõ ràng dẫn tới hợp đồng không được giao kết hoặc không được thực hiện.
(ii) Thỏa thuận đặt cọc để bảo đảm giao kết hợp đồng mà tại thời điểm đặt cọc thì hợp đồng bị vô hiệu nếu được giao kết.[2]

Đối với tài sản đặt cọc, theo Điều 5 NQ 03, tài sản đặt cọc không chỉ là tiền mà còn có thể là kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác như cổ phiếu, trái phiếu, tài sản số… và các tài sản này phải đáp

[1] Khoản 1 Điều 3 NQ 03
[2] Khoản 2, 3 Điều 3 NQ 03

: http://lacduy-associates.com
: lacduy@lacduy-associates.com
: +84917275572/+842836221603

ứng quy định của pháp luật. Giá trị của tài sản đặt cọc có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Khi muốn đặt cọc tài sản thuộc sở hữu chung thì cần thực hiện như sau:
(i) Trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung **hợp nhất** thì việc đặt cọc phải được sự đồng ý của tất cả các chủ sở hữu chung;
(ii) Trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung **theo phần** thì bên đặt cọc chỉ được đặt cọc phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình.

Ngoài ra, giá trị bằng tiền của tài sản đặt cọc sẽ do các bên thỏa thuận. Khi có tranh chấp mà các bên không thỏa thuận giá trị của tài sản đặt cọc thì giá trị của tài sản này sẽ được Tòa án xác định tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

2. Xử lý vi phạm thỏa thuận đặt cọc

Điều 6 NQ 03 quy định chi tiết về các trường hợp xử lý vi phạm thỏa thuận đặt cọc, cụ thể như sau:



- Trường hợp các bên không thỏa thuận về việc phạt cọc:
+ Nếu **bên nhận đặt cọc** từ chối giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc.
+ Nếu **bên đặt cọc** từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc.

- Trong trường hợp phát sinh **tranh chấp về đặt cọc** mà các bên không có thỏa thuận khác về việc xử lý đặt cọc, Tòa án sẽ xem xét **lỗi** dẫn đến việc hợp đồng không được giao kết, không được thực hiện hoặc bị vô hiệu như sau:
+ Bên nào có lỗi thì phải chịu phạt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự 2015;
+ Cả hai bên cùng có lỗi hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì không phạt cọc.

Ví dụ: *A và B thỏa thuận đặt cọc để bảo đảm giao kết hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng đặt cọc có thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thì B (bên nhận đặt cọc) phải hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, nếu vi phạm thì phải chịu phạt cọc. Hết thời hạn 03 tháng, B chưa được cấp Giấy chứng nhận do nguyên nhân đến từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù B đã nộp hồ sơ đề nghị theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này phải xác định việc B không thể thực hiện đúng cam kết là do trở ngại khách quan và không phải chịu phạt cọc.*

- Trường hợp đặt cọc chỉ nhằm đảm bảo việc ký kết hợp đồng: Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng mới có vi phạm làm cho hợp đồng không được thực hiện hoặc mới phát hiện hợp đồng bị vô hiệu từng phần hoặc toàn bộ thì **không phạt cọc** và việc giải quyết tranh chấp về vi phạm hợp đồng hoặc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về giới hạn mức phạt cọc: Trường hợp bên đặt cọc và bên nhận đặt cọc thỏa thuận mức tiền phạt cọc vượt quá giá trị của hợp đồng được bảo đảm giao kết hoặc thực hiện thì Tòa án xem xét, quyết định mức tiền phạt cọc không vượt quá giá trị của hợp đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Đối với yêu cầu tính lãi, Tòa án sẽ xem xét và xử lý như sau:

+ **Chấp nhận** yêu cầu tính lãi theo Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 đối với khoản tiền đặt cọc phải hoàn trả nhưng bị chậm trả. Tiền lãi đối với khoản tiền đặt cọc được tính kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phát sinh nghĩa vụ hoàn trả tiền đặt cọc.

+ **Không chấp nhận** yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền phạt cọc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác.

- Đối với trường hợp các bên **không có thỏa thuận**, nếu một bên có yêu cầu **vừa phạt cọc vừa bồi thường thiệt hại** theo Điều 419 Bộ luật Dân sự 2015: Tòa án xem xét, chấp nhận cả hai.

- Đối với trường hợp các bên **có thỏa thuận vừa phạt cọc, vừa phạt vi phạm** theo Điều 418 Bộ luật Dân sự 2015: Tòa án xem xét, chấp nhận yêu cầu phạt cọc và không chấp nhận đối với yêu cầu phạt vi phạm.

3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp và thời hiệu khởi kiện



Điều 7 NQ 03 hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với các giao dịch bao gồm:

- Đối với hợp đồng đặt cọc với đối tượng là bất động sản mà nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, bị đơn và nơi có bất động sản khác nhau thì thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được xác định như sau:

+ Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

+ Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau

bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

- Đối với hợp đồng đặt cọc đã được công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng thì thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án được xác định như sau:
+ Trường hợp các bên chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu với lý do việc công chứng hợp đồng vi phạm pháp luật về công chứng thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là **Tòa án nơi tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng có trụ sở có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu**;



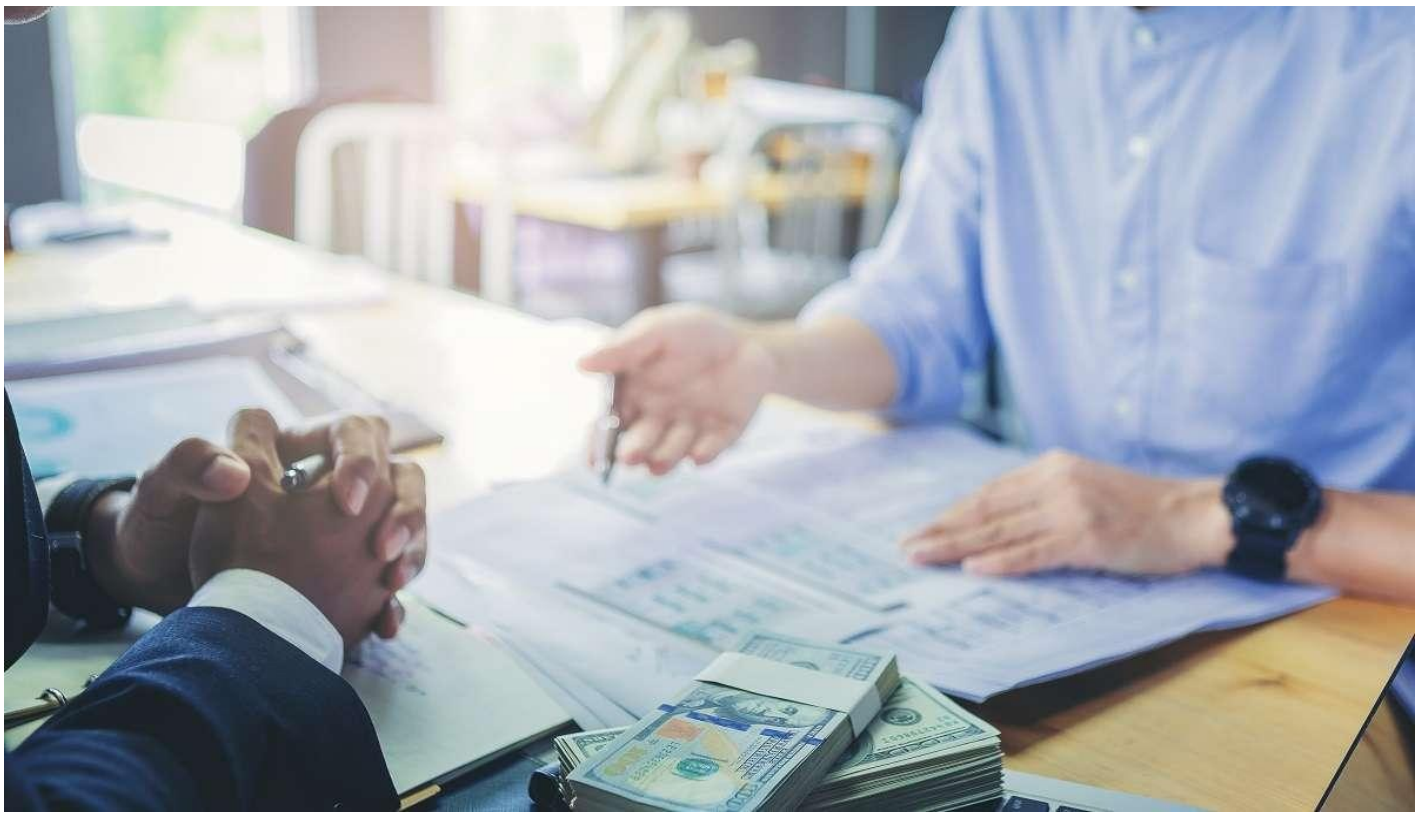
Ví dụ: *Ngày 11 tháng 11 năm 2026, ông A, bà B và ông D cùng ra Văn phòng công chứng số 3 có trụ sở tại xã X, tỉnh Y để công chứng hợp đồng đặt cọc bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A, bà B và ông D. Ngày 28 tháng 11 năm 2026, chị C (là con gái và là đại diện hợp pháp của ông A, bà B) và ông D cùng có đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng hợp đồng đặt cọc vô hiệu với lý do ông A bị bệnh nhồi máu não và loạn thần tuổi già nên không còn minh mẫn, sáng suốt. Trường hợp này, Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Y có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ tương ứng với phạm vi địa giới của xã X.*

+ Trường hợp các bên vừa tranh chấp hợp đồng đặt cọc, vừa yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thì thẩm quyền của Tòa án được xác định là:
(i) Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.
(ii) Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Căn cứ quy định tại Điều 8 NQ 03, thời hiệu khởi kiện được áp dụng như sau:
- Thời hiệu đối với các yêu cầu phạt cọc, bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ và những yêu cầu khác về hợp đồng đặt cọc là **03 năm**, kể từ ngày

người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.
- Đối với yêu cầu tuyên bố giao dịch đặt cọc vô hiệu, thời hiệu áp dụng theo Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015, thường là **02 năm** tùy thuộc vào căn cứ làm phát sinh sự vô hiệu.
- Đặc biệt, Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại tài sản đặt cọc mà liên quan đến yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

Ngoài ra, những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trước ngày 15/10/2026 thì không áp dụng hướng dẫn tại NQ 03 này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, trừ trường hợp việc kháng nghị bản án, quyết định có căn cứ khác.[3]



[3] Khoản 2 Điều 9 NQ 03

BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026

TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA VIỆC KÊ KHAI THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA DOANH NGHIỆP

Ngày 07/10/2026, Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể thuộc Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 3164/DNTN-GS ("**Công Văn 3164**") về việc kiểm tra kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp. Công văn này được ban hành trong bối cảnh cơ quan quản lý nhà nước tăng cường rà soát việc tuân thủ các quy định về xác định, kê khai và lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi trong 04 tháng cuối năm 2026 theo Công văn số 13767/BTC-DNTN.



Để hỗ trợ các địa phương triển khai công tác kiểm tra, Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể đã thống kê danh sách hơn 42.000 doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thay đổi từ ngày 01/07/2025 đến thời điểm ban hành Công Văn 3164 nhưng không có thông tin kê khai về chủ sở hữu hưởng lợi. Danh sách này được cung cấp thông qua mã QR kèm theo Công Văn 3164 và là cơ sở để các địa phương ưu tiên tập trung kiểm tra việc tuân thủ các quy định về kê khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi.

Cần lưu ý rằng Công Văn 3164 tập trung vào việc tổ chức rà soát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước, không đặt ra nghĩa vụ kê khai mới đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc ban hành Công Văn 3164 cho thấy các nội dung liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi hiện đang được chú trọng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra tuân thủ các quy định về đăng ký doanh nghiệp.

Theo Điều 43, 44.6 và 46.4(c) Nghị định 122/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Nghị định 288/2026/NĐ-CP), mức chế tài đối với các hành vi vi phạm liên quan đến kê khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi được quy định như sau:

- Đối với hành vi không kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có) và thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

🌐: http://lacduy-associates.com
✉: lacduy@lacduy-associates.com
☎: +84917275572/+842836221603

BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026



- Đối với doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/07/2025 nhưng không bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi (nếu có) và thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gần nhất: phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.
- Đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ thông báo thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông báo thay đổi thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi: phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Ngoài hình thức phạt tiền, đối với các hành vi không kê khai hoặc không bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi nêu trên, doanh nghiệp còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng, bao gồm việc buộc bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi hoặc thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi theo quy định.



🖳: http://lacduy-associates.com
✉: lacduy@lacduy-associates.com
☎: +84917275572/+842836221603

BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ THỜI ĐIỂM KẾT THÚC GIẢM TRỪ GIA CẢNH ĐỐI VỚI CON TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



Ngày 06/10/2026, Cục Thuế ban hành Công văn số 7401/CT-QLNT ("**Công Văn 7401**") về thời điểm kết thúc giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc, trong đó hướng dẫn cụ thể cách xác định thời điểm kết thúc giảm trừ gia cảnh đối với trường hợp người phụ thuộc là con tốt nghiệp đại học.

Hiện nay, việc xác định người phụ thuộc và giảm trừ gia cảnh được quy định như sau:

- Theo Điều 10.4(b) Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025 và Điều 47.2(c) Nghị định 253/2026/NĐ-CP, một trong những đối tượng được xác định là người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh bao gồm "*con đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề, kể cả con từ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá mức do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*". Theo đó, Điều 3.1 Thông tư 87/2026/TT-BTC quy định mức thu nhập bình quân tối đa nói trên là 03 triệu đồng;

- Hồ sơ xác định người phụ thuộc trong trường hợp trên được quy định cụ thể tại Điều 4.1(đ) Thông tư số 87/2026/TT-BTC, bao gồm: (i) hồ sơ chứng minh mối quan hệ với người phụ thuộc và (ii) hồ sơ chứng minh việc đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc học nghề;

- Điều 48.2(b) Nghị định số 253/2026/NĐ-CP về nguyên tắc giảm trừ gia cảnh quy định "*Khi người nộp thuế đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc sẽ được tạm tính giảm trừ gia cảnh trong năm kể từ khi đăng ký người phụ thuộc (được tính đủ theo tháng)*".

Vậy theo các quy định trên, con đang học đại học không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân không quá 03 triệu đồng được xác định là người phụ thuộc của người nộp thuế. Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ gia cảnh là kể từ khi đăng ký người phụ thuộc và được tính đủ theo tháng. Tuy nhiên, thời điểm kết

thúc tính giảm trừ gia cảnh đối với trường hợp trên chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể.



Đối với vấn đề này, Công Văn 7401 đã có hướng dẫn như sau: Tại Mẫu Giấy ủy quyền đăng ký thuế số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính có nội dung khai báo về "*Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)*" đối với người phụ thuộc. Vì vậy, trong trường hợp người nộp thuế có con tốt nghiệp đại học và được cấp bằng tốt nghiệp vào ngày 14/8/2026, thời điểm kết thúc tính giảm trừ gia cảnh được xác định là tháng 09/2026. Theo đó, người nộp thuế kê khai tháng 09/2026 tại mục "*Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)*" trên Mẫu số 41/UQ-ĐKT.

Như vậy, theo nội dung hướng dẫn tại Công Văn 7401, **đối với trường hợp người phụ thuộc là con đang học đại học, thời điểm kết thúc giảm trừ gia cảnh được xác định theo tháng, thay vì kết thúc ngay tại thời điểm người phụ thuộc được cấp bằng tốt nghiệp đại học**. Do đó, người nộp thuế cần khai thời điểm kết thúc giảm trừ tương ứng trên hồ sơ đăng ký người phụ thuộc. Hướng dẫn này giúp làm rõ cách kê khai thời điểm kết thúc giảm trừ gia cảnh trong trường hợp con đang học đại học tốt nghiệp, hỗ trợ người nộp thuế xác định và kê khai thông tin phù hợp với nguyên tắc tính giảm trừ gia cảnh theo tháng.

BẢN TIN PHÁP LUẬT

LAC DUY & ASSOCIATES

THÁNG 10/2026

VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG THÁNG 10/2026

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
		THƯƠNG MẠI
1.	18/10/2026	Nghị Định 342/2026/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Chính Phủ ban hành
		XUẤT NHẬP KHẨU
1.	01/10/2026	Nghị Định 365/2026/NĐ-CP về kinh doanh xuất, nhập khẩu gạo do Chính Phủ ban hành
2.	15/10/2026	Thông Tư 127/2026/TT-BTC quy định về chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện vận tải qua cửa khẩu cảng hàng không, cảng biển, đường sắt, đường bộ và đường thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
3.	15/10/2026	Thông Tư 128/2026/TT-BTC quy định về kiểm tra, giám sát và quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải hoạt động trong khu vực cửa khẩu thông minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
4.	15/10/2026	Quyết Định 1434/QĐ-CHQ năm 2026 ban hành quy định tạm thời về định dạng thông điệp dữ liệu chứng từ điện tử liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành
		BẢO HIỂM XÃ HỘI
1.	01/10/2026	Quyết Định 726/QĐ-BHXH năm 2026 ban hành mức chi thù lao

: http://lacduy-associates.com
: lacduy@lacduy-associates.com
: +84917275572/+842836221603

		cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành
2.	20/10/2026	Nghị Định 346/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính Phủ về bảo hiểm nông nghiệp do Chính Phủ ban hành
		LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG
1.	01/10/2026	Thông Tư 17/2026/TT-BNV ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành
		TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG
1.	01/10/2026	Nghị Định 316/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính Phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước do Chính Phủ ban hành
2.	10/10/2026	Thông Tư 42/2026/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư 03/2020/TT-NHNN quy định về tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
3.	13/10/2026	Thông Tư 45/2026/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư 01/2024/TT-NHNN quy định về quản lý seri tiền mới in của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
		CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
1.	05/10/2026	Nghị Định 328/2026/NĐ-CP quy định phòng, chống tin giả, tin sai sự thật do Chính Phủ ban hành

2.	16/10/2026	Thông Tư 19/2026/TT-BNV quy định về quản lý, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành
		BẤT ĐỘNG SẢN
1.	15/10/2026	Nghị Quyết 04/2026/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền của Tòa án khi giải quyết, xét xử vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Nghị quyết 29/2026/QH16 của Quốc Hội do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành